

Số: 357/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 28 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các
Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 18

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc
gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm
2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình
mục tiêu quốc gia;*

*Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-
TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Phát
triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-
2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01
năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai
đoạn 2021-2025; Số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương
trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 128/2022/NQ-
HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022, ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định
mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa
phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa*

Bình; Số 114/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Số 130/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022, quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; số 320/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 về quyết định dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 (từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia Phần II, Mục B, Biểu số 34, Nghị quyết số 320/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh), cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 381.084 triệu đồng (*Ba trăm tám mươi một tỷ, không trăm tám mươi tư triệu đồng*), trong đó:

- a) Phân bổ dự toán cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh: 85.220 triệu đồng.
- b) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố: 295.864 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu 1 kèm theo)

2. Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: 180.184 triệu đồng (*Một trăm tám mươi tỷ, một trăm tám mươi tư triệu đồng*), trong đó:

- a) Phân bổ dự toán cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh: 31.625 triệu đồng.
- b) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố: 148.559 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu 2 kèm theo)

3. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: 38.671 triệu đồng (*Ba mươi tám tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu đồng*), trong đó:


- a) Phân bổ dự toán cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh: 7.488 triệu đồng.
- b) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố: 31.183 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu 3 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết, định kỳ đánh giá và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Khoá XVII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./. 

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Lao động - TB&XH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ và CV các PCM thuộc VP;
- Lưu: VT, CTHĐND (M).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

ST T	Đơn vị	Tổng kinh phí năm 2024	Phân bổ chi tiết cho các Dự án									Ghi chú
			Dự án 1	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10	
14	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	3.700							3.700			
15	Hội Nông dân tỉnh	1.700				1.000					700	
16	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1.600				1.000					600	
17	Sở Công thương	2.500		2.500								
18	Tỉnh đoàn Hòa Bình	850		350							500	
19	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	1.200									1.200	
20	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	6.000		6.000								
21	Ban Dân tộc	10.200				5.000					5.200	
II	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành	295.864	25.830	147.420	30.774	37.700	24.000	0	14.800	4.070	11.270	
1	Huyện Đà Bắc	62.950	3.875	41.780	5.495	4.000	4.000		1.500	600	1.700	
2	Huyện Mai Châu	44.952	2.660	22.920	3.282	7.950	3.900		2.500	500	1.240	
3	Huyện Tân Lạc	25.561		12.300	4.121	2.500	2.600		2.000	450	1.590	
4	Huyện Lạc Sơn	45.490	11.180	18.340	6.640	1.000	3.600		2.000	650	2.080	
5	Huyện Kim Bôi	50.008	4.568	24.060	5.970	6.000	3.600		3.500	650	1.660	
6	Huyện Yên Thủy	25.570	842	11.350	1.908	6.500	2.600		1.000	420	950	
7	Huyện Cao Phong	17.783	1.601	8.500	1.832	1.800	2.000		1.000	450	600	
8	Huyện Lạc Thủy	13.405	1.080	5.650	1.145	3.750	200		1.000	100	480	
9	Huyện Lương Sơn	3.660				2.500	500			100	560	
10	Thành phố Hòa Bình	6.486	24	2.520	382	1.700	1.000		300	150	410	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NĂM 2024
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
(Kèm theo Nghị quyết số 357/NQ-HDND ngày 28/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí năm 2024	Phân bổ chi tiết cho các Dự án							Ghi chú
			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	
	TỔNG SỐ	180.184	19.526	57.208	31.595	24.225	31.940	9.260	6.430	
I	Dự toán giao các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	31.625	0	0	12.315	16.080	0	1.750	1.480	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.800			4.750				50	
2	Sở Lao động - Thương binh và XH	17.330				16.080		380	870	
3	Sở Y tế	7.625			7.565				60	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	1.370						1.370		
5	Sở Tư pháp	500							500	
II	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố	148.559	19.526	57.208	19.280	8.145	31.940	7.510	4.950	
1	Huyện Đà Bắc	67.021	18.026	10.000	5.480	1.200	31.940	140	235	
2	Huyện Mai Châu	12.750		7.000	3.000	700		1.350	700	
3	Huyện Tân Lạc	9.730		6.600	1.600	500		800	230	
4	Huyện Lạc Sơn	29.838		19.308	5.000	1.600		2.500	1.430	
5	Huyện Kim Bôi	17.075		11.000	2.000	1.855		1.320	900	
6	Huyện Yên Thủy	5.420		3.000	800	750		470	400	
7	Huyện Cao Phong	1.405			600	300		320	185	
8	Huyện Lạc Thủy	4.290	1.500		800	1.080		500	410	
9	Huyện Lương Sơn	490			0	100		60	330	
10	Thành phố Hòa Bình	540		300	0	60		50	130	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NĂM 2024
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 357/NQ-HDND ngày 28/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí năm 2024	Phân bổ chi tiết cho các nội dung thành phần						Hỗ trợ thực hiện thí điểm mô hình trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện (*)	Ghi chú
			Nội dung thành phần số 01	Nội dung thành phần số 03	Nội dung thành phần số 07	Nội dung thành phần số 08	Nội dung thành phần số 10	Nội dung thành phần số 11		
	Tổng cộng	38.671	200	15.320	8.360	8.450	930	5.368	43	
I	Dự toán giao các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	7.488	0	3.390	150	0	930	3.018	0	
1	Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh	3.028		2.000				1.028		
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	180		90				90		
3	Sở Công Thương	200		0				200		
4	Sở Thông tin và Truyền thông	200		0				200		
5	Báo Hòa Bình	100		0				100		
6	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	100		0				100		
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	900		900				0		
8	Công an tỉnh	930		0			930	0		
9	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	200		0				200		
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	200		0				200		
11	Sở Y tế	200		200				0		
12	Sở Tư pháp	200		0				200		

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí năm 2024	Phân bổ chi tiết cho các nội dung thành phần						Hỗ trợ thực hiện thí điểm mô hình trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện (*)	Ghi chú
			Nội dung thành phần số 01	Nội dung thành phần số 03	Nội dung thành phần số 07	Nội dung thành phần số 08	Nội dung thành phần số 10	Nội dung thành phần số 11		
13	Sở Khoa học và Công nghệ	200		200				0		
14	Tỉnh đoàn Hòa Bình	200		0				200		
15	Hội Nông dân tỉnh	200		0				200		
16	Hội Khuyến học tỉnh	100		0				100		
17	Hội Cựu chiến binh tỉnh	100		0				100		
18	Hội Người cao tuổi tỉnh	100		0				100		
19	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	150		0	150			0		
II	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố	31.183	200	11.930	8.210	8.450	0	2.350	43	
1	Huyện Đà Bắc	3.360		3.200	0			160		
2	Huyện Mai Châu	2.010		1.730	0			280		
3	Huyện Tân Lạc	4.200		3.100	150	700		250		
4	Huyện Lạc Sơn	1.890		200	175	1.250		265		
5	Huyện Kim Bôi	4.900		100	3.400	1.000	0	400		
6	Huyện Yên Thủy	3.960		100	135	3.500		225		
7	Huyện Cao Phong	3.563	200	200	1.000	2.000	0	120	43	
8	Huyện Lạc Thủy	1.820		1.500	100			220		
9	Huyện Lương Sơn	1.900		1.500	150			250		
10	Thành phố Hòa Bình	3.580		300	3.100			180		

* Hỗ trợ thực hiện chỉ đạo điểm của Trung ương Văn bản số 1486/BNN-VPĐP ngày 13/3/2023 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH